

# CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUNG ĐỘT TÂM LÝ GIỮA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ CHA MẸ: MỘT NGHIÊN CỨU TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Trần Thiên Lam<sup>1</sup>,  
Lê Linh Dung<sup>1</sup>,  
Nguyễn Thị Lân<sup>1</sup>,  
Nguyễn Thị Hồng Vân<sup>2,+</sup>

<sup>1</sup>Trường Trung học phổ thông Chu Văn An, quận Ba Đình, TP. Hà Nội;

<sup>2</sup>Học viện Tài chính

+ Tác giả liên hệ • Email: nghongvan@gmail.com

## Article history

Received: 12/11/2024

Accepted: 16/12/2024

Published: 05/02/2025

## Keywords

Conflict, contradiction, ‘ego’,  
impact, high school students

## ABSTRACT

The authors conducted this study given the reality that conflicts between high school students and their parents have been on the rise. Previous research has not fully examined the impact of various factors on these conflicts. By combining qualitative research and quantitative analysis on a sample of 510 high school students and 510 parents in Hanoi, the authors examined the impact of five factors on the conflict between high school students and their parents, including: contradictions, “ego”, psychological and physiological characteristics of high school students, negative parenting styles, and limited communication skills and emotional regulation. Eventually, “ego” was found to have the strongest impact. The study results pave the way for a more comprehensive approach to addressing the factors that contribute to conflicts between high school students and their parents. The authors suggest several measures to prevent these conflicts, including resolving contradictions early, properly managing “ego” and developing self-worth, along with other targeted solutions for specific groups.

## 1. Mở đầu

Lứa tuổi thanh thiếu niên có sự phát triển mạnh về nhu cầu độc lập và khẳng định bản thân khiến xung đột với cha mẹ có nguy cơ gia tăng (Mastrotheodoros et al., 2020). Cuộc đối đầu giữa thanh thiếu niên với cha mẹ là hiện tượng tự nhiên cho phép họ có cơ hội trưởng thành (Ciupinska, 2014; Hương Nguyễn et al., 2017). Mặt khác, xung đột giữa cha mẹ và con cái có thể dẫn đến những hệ quả đáng tiếc như: con cái không giao tiếp được với cha mẹ, xa lánh và ghét cha mẹ, trầm cảm, sa ngã vào tệ nạn, hủy hoại bản thân (LoBraico et al., 2020). Nhiều nghiên cứu trước đây đã nỗ lực làm sáng tỏ lý luận về xung đột tâm lý giữa cha mẹ và HS. Các nghiên cứu nước ngoài thường tập trung trên diện rộng “adolescent”, tuổi 13-19, nghiên cứu trong nước chủ yếu hướng đến HS THCS. Một số đề tài nghiên cứu mối quan hệ HS THPT với cha mẹ nhưng vẫn còn khoảng trống về phân biệt giữa mâu thuẫn và xung đột, nguyên nhân và yếu tố ảnh hưởng, yếu tố mềm và yếu tố cứng; chưa làm nổi bật tác động quan trọng của “cái tôi”; chưa tập trung vào giải pháp phòng ngừa xung đột tâm lý.

Thực tế giáo dục gia đình đang gặp nhiều vấn đề trong bối cảnh xã hội rộng mở với một thế giới phẳng, công nghệ hiện đại phát triển tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống, đặc biệt ở những thành phố lớn, trong đó có Hà Nội. Mối quan hệ cha mẹ và con cái lứa tuổi HS THPT trở nên phức tạp hơn, khoảng cách xa hơn khiến xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ có nguy cơ bùng nổ khi mâu thuẫn không được nhận thức và giải quyết từ sớm. Đó là lý do thúc đẩy chúng tôi tiến hành nghiên cứu triệt để hơn cơ sở lý luận về xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ đồng thời thực hiện nghiên cứu thực trạng trên địa bàn TP. Hà Nội nhằm đánh giá các nhân tố tác động và xây dựng giải pháp phòng ngừa xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

- *Mâu thuẫn giữa HS THPT và cha mẹ*: Tiếp cận từ lý thuyết xung đột xoay quanh sự va chạm về lợi ích, giá trị và quyền lực, Sprey (1969) đánh giá gia đình như một hệ thống xung đột. Mâu thuẫn giữa các thể hệ bắt nguồn từ sự bất đồng quan điểm về thành tích học tập, giá trị và mục tiêu cá nhân, sự khác biệt về thói quen, sở thích, tính cách, ... là điều khó tránh và trở thành nguồn gốc tạo ra xung đột giữa cha mẹ và con cái (Sonone & Pradhan, 2022). Do vậy, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết **H1**: *mâu thuẫn có tác động thuận chiều đến xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ.*

- “Cái tôi” của HS THPT và “cái tôi” của cha mẹ: Tiếp cận từ lí thuyết nhu cầu của Abraham Maslow, nhu cầu của con người được chia thành năm bậc thang (Saul McLeod, 2024), là những mong muốn về giá trị, lợi ích nhận được cho bản thân. Danesh (2011), Harms (2017) và Burton (1997) cho rằng khi lợi ích, giá trị của cá nhân bị xâm phạm sẽ tạo ra xung đột, “cái tôi” trở thành trung tâm của xung đột liên nhân cách. Chambers và De Dreu (2013) đã phân tích chủ nghĩa vị kỉ của “cái tôi” là trạng thái thúc đẩy xung đột. Theo Osgood (2019), xung đột có thể hình thành và gia tăng khi con người bị đe dọa “suy giảm cái tôi” dẫn đến những quyết định mang tính ích kỉ. Từ các luận điểm này, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết **H2**: “cái tôi” có tác động thuận chiều đến xung đột tâm lí giữa HS THPT và cha mẹ.

- *Đặc điểm tâm - sinh lí (TSL) của HS THPT*: Theo Mastrotheodoros và cộng sự (2020), đặc điểm nổi bật nhất của lứa tuổi HS THPT là nhu cầu và khả năng tự quyết định cuộc sống của mình nhưng cha mẹ chưa sẵn sàng trao cho con cơ hội thực hiện quyền đó. Việc hạn chế giao tiếp và chia sẻ riêng tư với cha mẹ là cách HS THPT thiết lập quyền tự chủ. Điều này có thể trở nên khó hiểu đối với cha mẹ và làm cho xung đột nghiêm trọng hơn. Nhận thức không đầy đủ về đặc điểm TSL HS THPT gây cản trở sự hiểu biết lẫn nhau khiến xung đột tâm lí đi theo chiều hướng tiêu cực (Sonone & Pradhan, 2022). Do đó, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết **H3**: đặc điểm TSL của HS THPT và hạn chế nhận thức về nó có tác động thuận chiều đến xung đột tâm lí giữa HS THPT và cha mẹ.

- *Phong cách làm cha mẹ*: Theo lí thuyết xung đột, quyền lực là yếu tố chi phối quan hệ xung đột, bên nào quyền lực hơn sẽ có lợi thế hơn, khi quyền lực bị xâm phạm sẽ tạo ra nguy cơ xung đột (Sprey, 1969). Để duy trì quyền lực trong quan hệ với con cái, cha mẹ thường có xu hướng kiểm soát trẻ. Điều này mâu thuẫn với nhu cầu độc lập của lứa tuổi HS THPT và thúc đẩy xung đột hình thành (Ciupinska, 2014). Thuyết hành động xã hội của Max Weber đề cập hành động duy lí hướng đến người khác theo ý chí chủ quan (Fatah, 2024). Sự thái quá của hành động này sẽ trở thành áp đặt. Phong cách cha mẹ độc đoán hoặc bao bọc quá mức thường dẫn đến con cái bị mất quyền tự chủ khiến xung đột dễ bùng nổ hơn (Panahi et al., 2023). Theo Sorkhabi (2010), nội dung và hình thức nuôi dạy con cái là yếu tố quan trọng giải thích xung đột giữa con cái và cha mẹ. Do vậy, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết **H4**: phong cách làm cha mẹ không tích cực có tác động thuận chiều đến xung đột tâm lí giữa HS THPT và cha mẹ.

- *Kĩ năng giao tiếp, quản lí cảm xúc*: Thuyết hành động xã hội của Max Weber đề cập hành động duy cảm- loại hành động dễ mất kiểm soát cảm xúc (Fatah, 2024). Việc mất kiểm soát cảm xúc trong giao tiếp sẽ kích thích xung đột xuất hiện. Do vậy, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết **H5**: sự hạn chế kĩ năng giao tiếp và quản lí cảm xúc có tác động thuận chiều đến xung đột tâm lí giữa HS THPT và cha mẹ.

- *Tác động của các nhân tố đến xung đột tâm lí giữa HS THPT và cha mẹ*: Nhóm tác giả đề xuất giả thuyết **H0**- không có sự khác biệt đáng kể hoặc không có tác động tiêu cực của các nhân tố trên đến xung đột tâm lí giữa HS THPT và cha mẹ. Giả thuyết H0 tuyên bố các giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5 không có nghĩa. Ngược lại, H0 bị bác bỏ tức là các giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5 được xác nhận.

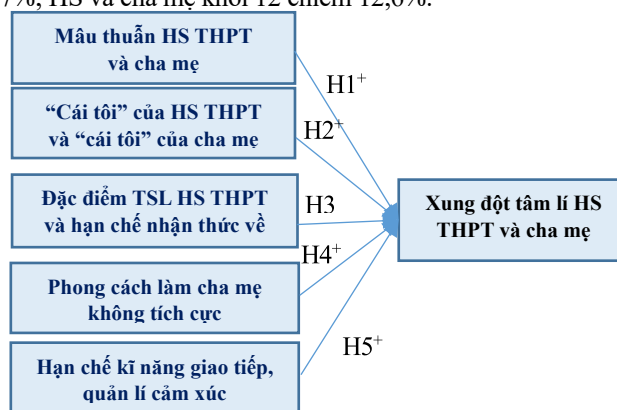
## 2.2. Kết quả khảo sát

### 2.2.1. Tô chức khảo sát

- *Đối tượng và mẫu khảo sát*: Nhóm tác giả đã thực hiện thu thập dữ liệu thực tế thông qua điều tra xã hội học bằng phương pháp lấy mẫu phi xác suất thuận tiện. Đối tượng khảo sát là HS THPT và cha mẹ trên địa bàn TP Hà Nội. Việc khảo sát được thực hiện theo phương thức trực tuyến (Google Forms) trong thời gian hai tháng (9&10 năm 2024) thu về 1.020 phiếu khảo sát hợp lệ cho hai mẫu, gồm: 510 HS THPT; 510 cha mẹ. Trong đó, HS và cha mẹ khối 10 chiếm 42,7%; HS và cha mẹ khối 11 chiếm 44,7%; HS và cha mẹ khối 12 chiếm 12,6%.

- *Công cụ khảo sát*:

+ *Xây dựng và hoàn thiện bảng hỏi*: Bảng hỏi được xây dựng trải qua các bước tuân tự gồm: 1- Căn cứ vào các nghiên cứu lí luận liên quan và lựa chọn khung lí thuyết cho mô hình nghiên cứu gồm thuyết xung đột (Karl Marx, Jetse Sprey), thuyết nhu cầu (Abraham Maslow), thuyết hành động xã hội (Max Weber); 2- Trọng tâm hóa câu hỏi; 3- Định nghĩa rõ ràng các nhân tố và thang đo; 4- Xác định mối quan hệ giả thuyết của các nhân tố. Kết hợp khung lí thuyết với phỏng vấn sâu, nhóm tác giả lập bảng hỏi sơ bộ, khảo sát thử, tiến hành đánh giá, hoàn thiện và gửi bảng hỏi chính thức đến các đối tượng khảo sát.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

+ *Thang đo*: Các biến quan sát đơn hướng tiêu cực với thang điểm 5-Likert áp dụng cho 5 biến độc lập: **MT** (mâu thuẫn giữa HS THPT và cha mẹ); **CT** (“cái tôi” của HS THPT và “cái tôi” của cha mẹ); **TL** (Đặc điểm TSL của HS THPT và hạn chế nhận thức về đặc điểm đó); **PC** (Phong cách cha mẹ không tích cực); **KN** (Hạn chế kỹ năng giao tiếp, quản lý cảm xúc) và 1 biến phụ thuộc: **XD** (Xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ). Đáp viên trả lời cho mỗi thang đo bằng cách chọn mức độ phù hợp: 1- Rất không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3- Phân vân; 4- Đồng ý; 5- Rất đồng ý.

+ *Phân tích dữ liệu*: Nhóm tác giả sử dụng phần mềm SPSS 20 để xử lý và phân tích dữ liệu, bao gồm: (1) Xác định điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC); (2) Kiểm định độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach’s Alpha (C.Alp); (3) Xác nhận giá trị thang đo bằng phân tích nhân tố EFA; (4) Kiểm định tương quan tuyến tính và dấu hiệu đa cộng tuyến bằng phân tích tương quan Pearson; (5) Phân tích hồi quy đa biến để xác định ý nghĩa thống kê của các biến và mức độ tác động của biến độc lập đến biến phụ thuộc.

### 2.2.2. Kết quả và bàn luận

- *Kết quả thống kê mô tả*: Nhóm tác giả sử dụng kết quả về ĐTB, ĐLC để đánh giá mức độ đồng ý của các đáp viên về nhân tố ảnh hưởng đến xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ. Dữ liệu bảng 01 cho thấy các đáp viên đồng ý với nhóm “*Yếu tố*” cao hơn so với nhóm “*Nguyên nhân*”. ĐTB của hai nhóm lần lượt là 3.72 và 3.37 ở HS; 3.69 và 3.31 ở cha mẹ. Xét ĐTB chi tiết cho “cái tôi” của cha mẹ và “cái tôi” của con cái từ góc độ đánh giá của mỗi bên, nhận thấy có sự ngược chiều nhau: “cái tôi” của cha mẹ được HS đánh giá mức cao (3.53) và cha mẹ đánh giá mức trung bình (3.01); “cái tôi” của con được HS THPT đánh giá mức trung bình (3.04) và cha mẹ đánh giá mức cao (3.40).

Bảng 1. Nhân tố tác động đến xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ

Thông kê mô tả, kiểm định thang đo	Kí hiệu	HS THPT			Cha mẹ		
		ĐTB	ĐLC	C.Alp	ĐTB	ĐLC	C.Alp
<i>Nguyên nhân</i>		3.37			3.31		
Mâu thuẫn giữa HS THPT và cha mẹ	<b>MT</b>	3.44	0.691	0.643	3.40	0.742	0.633
“Cái tôi”	<b>CT</b>	3.29	0.611	0.659	3.21	0.600	0.602
“Cái tôi” của cha mẹ		3.53			3.01		
“Cái tôi” của HS THPT		3.04			3.40		
<i>Yếu tố ảnh hưởng</i>		3.72			3.69		
Đặc điểm tâm lý tuổi HS THPT và hạn chế nhận thức về đặc điểm đó	<b>TL</b>	3.77	0.772	0.657	3.86	0.782	0.706
Phong cách làm cha mẹ không tích cực	<b>PC</b>	3.78	0.777	0.676	3.62	0.728	0.632
Hạn chế kỹ năng giao tiếp, quản lý cảm xúc	<b>KN</b>	3.60	0.778	0.630	3.59	0.823	0.629
<b><i>XĐTL HS THPT và cha mẹ</i></b>	<b><i>XD</i></b>	<b>3.22</b>	0.932	0.745	<b>3.31</b>	0.981	0.736

- *Kết quả kiểm định thang đo*: Hệ số Cronbach’s Alpha (C.Alp) được nhóm sử dụng để xác định ban đầu về độ tin cậy của thang đo. Kết quả ở bảng 01 cho biết các biến đại diện đều có hệ số Cronbach’s Alpha > 0.6. Khi kiểm định các biến quan sát thuộc từng biến đại diện nhóm tác giả nhận được kết quả tất cả các hệ số tương quan biến tổng > 0.3. Do vậy, các thang đo được đánh giá đảm bảo độ tin cậy.

- *Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA*: Nhóm tác giả tiếp tục đánh giá thang đo bằng công cụ phân tích nhân tố khám phá để xác nhận giá trị của các thang đo. Kết quả phân tích được thông báo từ phần mềm SPSS trên cả hai mẫu khảo sát đều thỏa mãn tiêu chí: KMO > 0.5; Sig. (Bartlett’s Test) < 0.05; tổng phương sai trích > 50%. Theo đó, mỗi mẫu khảo sát có 22/22 biến quan sát có hệ số trọng tải > 0.3; có thể rút trích 5 nhân tố từ tổng 22 biến quan sát. Các biến quan sát hội tụ tốt trong cùng một biến đại diện.

- *Kết quả phân tích tương quan Pearson*: Phân tích tương quan Pearson trên mẫu khảo sát 510 HS THPT và mẫu khảo sát 510 cha mẹ cho kết quả là biến phụ thuộc tương quan tốt với các biến độc lập, đồng thời các cặp biến độc lập có hệ số tương quan < 0.7, không có dấu hiệu nghi ngờ đa cộng tuyến. Mô hình được đánh giá phù hợp để thực hiện phân tích hồi quy ở bước tiếp theo.

- *Kết quả phân tích hồi quy đa biến*: Phân tích hồi quy được thực hiện theo mô hình nghiên cứu đã thiết lập, gồm 5 biến độc lập: **MT**, **CT**, **TL**, **PC**, **KN** và 1 biến phụ thuộc: **XD**. Giá trị mỗi biến đại diện được xác định từ trung bình các biến quan sát thuộc biến đại diện đó. Dưới đây là nội dung mô tả kết quả phân tích hồi quy cho hai mẫu khảo sát: 510 HS THPT; 510 cha mẹ.

- *Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho mẫu khảo sát 510 HS THPT*

Bảng 2. Phân tích ANOVA (Mẫu 510 HS)

Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig
348.204	5	69.641	370.859	0.000 <sup>b</sup>

Bảng 3. Phân tích hồi quy (Mẫu 510 HS)

R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
.887 <sup>a</sup>	.786	.784	.43334	1.653

Giá trị Sig của kiểm định F < 0.05; R<sup>2</sup> hiệu chỉnh = 0.784, các biến độc lập trong mô hình giải thích 78,4% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Các biến độc lập có ý nghĩa, mô hình phù hợp áp dụng hồi quy.

Bảng 4 cho thấy, mỗi biến độc lập của mô hình đều mang ý nghĩa giải thích khi giá trị Sig của nó < 0.05, cho phép bác bỏ giả thuyết H<sub>0</sub>. Mức độ tương quan là chấp nhận được với hệ số VIF của các biến không vi phạm dấu hiệu nghi ngờ có đa cộng tuyến, tức là thỏa mãn điều kiện VIF < 5, hay t > 0.2.

Bảng 4. Các nhân tố tác động đến xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ (Mẫu 510 HS)

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1 (Constant)	-1.663	.115		-14.472	.000		
F_MT	.290	.046	.215	6.238	.000	.359	1.789
F_CT	.670	.048	.439	13.978	.000	.430	1.323
F_TL	.118	.041	.098	2.904	.004	.373	1.682
F_PC	.191	.039	.159	4.904	.000	.402	1.485
F_KN	.130	.040	.108	3.277	.001	.388	1.578

Như vậy, kết quả trên đã chứng tỏ sự phù hợp của mô hình. Nhóm nghiên cứu thu được phương trình hồi quy chuẩn hóa về mức độ tác động của các nhân tố đến xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ trên mẫu khảo sát 510 HS THPT như sau:  $XD_1 = 0.215*MT_1 + 0.439*CT_1 + 0.098*TL_1 + 0.159*PC_1 + 0.108*KN_1 + \epsilon_1$

Tại bảng 05, nhóm tác giả tổng hợp và sắp xếp dữ liệu về hệ số beta và ĐTB (theo thứ tự giá trị giảm dần). Hệ số beta càng cao thì mức tác động của nhân tố đến xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ càng lớn. ĐTB càng cao thì mức độ đồng ý của HS THPT đối với nhân tố đó càng cao. Kết quả cho thấy CT (“cái tôi”) tác động mạnh nhất đến XD (xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ) nhưng được HS đồng ý ít nhất. Riêng trong nhóm “Yếu tố”, PC (phong cách cha mẹ không tích cực) tác động mạnh nhất và được HS đồng ý nhiều nhất, chứng tỏ: *phong cách làm cha mẹ có ảnh hưởng rất ý nghĩa đối với HS THPT.*

Bảng 5. Thứ bậc mức độ tác động của nhân tố (beta) và thứ bậc mức độ đồng ý của đáp viên (ĐTB)- Mẫu 510 HS

Nhân tố	Beta	Thứ bậc	Nhân tố	ĐTB	Thứ bậc
CT	.439	1	PC	3.78	1
MT	.215	2	TL	3.77	2
PC	.159	3	KN	3.60	3
KN	.108	4	MT	3.44	4
TL	.098	5	CT	3.29	5

• *Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho mẫu khảo sát 510 cha mẹ*

Giá trị Sig của kiểm định F < 0.05; R<sup>2</sup> hiệu chỉnh = 0.736, các biến độc lập trong mô hình giải thích 73,6% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Các biến độc lập có ý nghĩa, mô hình phù hợp áp dụng hồi quy.

Bảng 6. Phân tích ANOVA (Mẫu 510 cha mẹ)

Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig
361.315	5	72.263	284.242	0.000 <sup>b</sup>

Bảng 7. Phân tích hồi quy (Mẫu 510 cha mẹ)

R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
.859 <sup>a</sup>	.738	.736	.50421	1.637

Bảng 8 cho thấy, mỗi biến độc lập của mô hình đều mang ý nghĩa giải thích khi giá trị Sig của nó < 0.05, cho phép bác bỏ giả thuyết H<sub>0</sub>. Mức độ tương quan là chấp nhận được với hệ số VIF của các biến không vi phạm dấu hiệu nghi ngờ có đa cộng tuyến, tức là thỏa mãn điều kiện VIF < 5, hay t > 0.2.

Bảng 8. Tác động của các nhân tố đến xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ (Mẫu 510 cha mẹ)

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1 (Constant)	-1.555	.133		-11.707	.000		
F_MT	.361	.047	.273	7.662	.000	.408	1.450
F_CT	.497	.054	.305	9.222	.000	.476	1.099
F_TL	.216	.046	.172	4.682	.000	.384	1.605
F_PC	.207	.049	.154	4.259	.000	.398	1.515
F_KN	.120	.044	.100	2.698	.004	.375	1.665

Như vậy, kết quả trên đã chứng tỏ sự phù hợp của mô hình. Nhóm nghiên cứu thu được phương trình hồi quy chuẩn hóa về mức độ tác động của các nhân tố đến xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ trên mẫu khảo sát 510 cha mẹ như sau:  $XD_2 = 0.273*MT_2 + 0.305*CT_2 + 0.172*TL_2 + 0.154*PC_2 + 0.100*KN_2 + \epsilon_2$

Tại bảng 9, nhóm tác giả tổng hợp và sắp xếp dữ liệu về hệ số beta và ĐTB (theo thứ tự giá trị giảm dần). Hệ số beta càng cao thì mức tác động của nhân tố đến xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ càng lớn. ĐTB càng cao thì mức độ đồng ý của cha mẹ đối với nhân tố đó càng cao. Kết quả cho thấy CT (“cái tôi”) tác động mạnh nhất đến XD (xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ) nhưng được cha mẹ đồng ý ít nhất. Riêng trong nhóm “Yếu tố”, TL (đặc điểm TSL của HS THPT và hạn chế nhận thức về nó) tác động mạnh nhất và được cha mẹ đồng ý nhiều nhất, chứng tỏ: sự thay đổi TSL của HS THPT có ảnh hưởng rất ý nghĩa đối với cha mẹ.

Bảng 9. Thứ bậc mức độ tác động của nhân tố (beta) và thứ bậc mức độ đồng ý của đáp viên (ĐTB)- Mẫu 510 cha mẹ

Nhân tố	Beta	Thứ bậc	Nhân tố	ĐTB	Thứ bậc
CT	.305	1	TL	3.86	1
MT	.273	2	PC	3.62	2
TL	.172	3	KN	3.59	3
PC	.154	4	MT	3.40	4
KN	.100	5	CT	3.21	5

Trên cơ sở những kết quả đã được đánh giá trên đây, nhóm tác giả đưa ra một số bàn luận chính về tác động của các nhân tố đến xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ như sau:

(1) Các giả thuyết của mô hình được xác nhận có ý nghĩa, mỗi biến độc lập đều tác động đến biến phụ thuộc XD (xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ) theo mức độ khác nhau của hệ số beta. Trên cả hai mẫu khảo sát, CT (“cái tôi”) có tác động lớn nhất, tiếp đến là MT (mâu thuẫn).

(2) Thứ bậc ĐTB cho thấy đánh giá của cả cha mẹ và HS THPT đều nghiêng sự đồng ý về nhóm “Yếu tố”- gồm: TL (đặc điểm TSL HS THPT và hạn chế nhận thức về nó), PC (phong cách cha mẹ không tích cực), KN (hạn chế kỹ năng giao tiếp, quản lý cảm xúc) nhiều hơn so với nhóm “Nguyên nhân”- gồm: MT (mâu thuẫn), CT (“cái tôi”).

(3) ĐTB chi tiết cho “cái tôi” của cha mẹ và “cái tôi” của con cái từ góc độ đánh giá của mỗi bên có sự ngược chiều nhau. Chứng tỏ mỗi bên có xu hướng nhìn ra “cái tôi lớn” của bên kia hơn là “cái tôi lớn” của chính mình.

(4) Nhóm “Nguyên nhân” tác động mạnh nhất nhưng chưa được quan tâm nhiều bởi cha mẹ và HS để có thể hình thành giải pháp phòng ngừa xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ.

(5) Trong nhóm “Yếu tố”: PC (phong cách cha mẹ không tích cực) có ý nghĩa nhất với HS THPT; TL (đặc điểm TSL của HS THPT) lại là yếu tố có ý nghĩa nhất đối với cha mẹ.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu này đã cung cấp cách tiếp cận có chiều sâu về các nhân tố tác động đến xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ. Theo đó, nhóm tác giả đã phân chia rõ ràng giữa nguyên nhân (cái tạo ra kết quả, đồng thời tác động đến kết quả) và yếu tố (cái không tạo ra kết quả, nhưng có tác động đến kết quả) nhằm hướng các giải pháp vào phòng ngừa xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ từ sớm, từ nguyên nhân gốc là mâu thuẫn và “cái tôi”, đồng thời tìm cách cải thiện những yếu tố mang ý nghĩa tác động quan trọng như: nhận thức về đặc điểm TSL của HS THPT, phong cách làm cha mẹ, kỹ năng giao tiếp ứng xử và quản lý cảm xúc.

Các nhân tố đưa vào mô hình nghiên cứu được kết quả phân tích dữ liệu xác nhận là có tác động đến xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ. Trong đó, “cái tôi” tác động mạnh nhất nhưng được HS THPT và cha mẹ đồng ý ít nhất. Điều này tương thích với thực trạng: mỗi bên đều nhìn ra “cái tôi” lớn của bên kia nhưng ít chịu nhìn lại “cái tôi” của chính mình. Kết luận này có ý nghĩa mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo về “cái tôi” của HS THPT với đặc điểm phát triển mạnh cùng với cách khẳng định và thể hiện chưa thật sự chín chắn trong xu hướng ngược chiều với “cái tôi” của cha mẹ dẫn đến xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ chuyển sang giai đoạn phức tạp hơn so với thời kì THCS. Mặt khác, nó cũng cảnh báo các bậc cha mẹ không nên chủ quan trong việc lựa chọn phong cách làm cha mẹ.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu và kết luận, nhằm phòng ngừa xung đột tâm lý giữa HS THPT và cha mẹ, nhóm tác giả khuyến nghị: (1) Các bậc cha mẹ cần lựa chọn phong cách làm cha mẹ hướng đến sự đồng hành cùng con; định vị đúng “cái tôi” và biết chấp nhận sự khác biệt; là gương tốt cho con, tạo lập môi trường gia đình đồng thuận công bằng; nhận thức đúng và có thái độ tích cực về đặc điểm tâm lý của con; trau dồi kỹ năng nhận diện, giải quyết xung đột tâm lý cải thiện kỹ năng giao tiếp và lắng nghe con; không áp đặt, kiểm soát, không bạo lực; không so sánh con với người khác; không ép con thực hiện ước mơ dở dang của cha mẹ; (2) HS THPT cần định vị đúng bản thân và chọn cách thể hiện đúng “cái tôi”; chuyển hóa vị thế cha mẹ thành người bạn lớn; thực hành lòng biết ơn; nhận thức tích

cực về đặc điểm tâm lý lứa tuổi mình; chủ động chia sẻ áp lực với cha mẹ; đặt mình vào vị trí của cha mẹ để hiểu cha mẹ hơn; sẵn sàng thay đổi tích cực; trang bị kiến thức tâm lý học để xây dựng hàng rào bảo vệ; rèn kỹ năng mềm; học cách nhận diện và giải quyết xung đột tâm lý; (3) Nhà trường và xã hội nên từng bước đưa kiến thức Tâm lý học vào chương trình giảng dạy cho HS một cách phù hợp để chuyển đổi từ bị động sang chủ động trong giáo dục sức khỏe tinh thần, giúp HS có khả năng nhận diện và giải quyết mâu thuẫn, ngăn chặn và giải quyết xung đột tâm lý.

Hạn chế của nghiên cứu này là nhóm tác giả đã loại khỏi mô hình một số yếu tố cứng, như: đặc điểm nhân khẩu, khoảng cách thế hệ. Đồng thời, mẫu khảo sát mới thực hiện trên phạm vi địa bàn TP. Hà Nội. Mặc dù vậy, kết quả nghiên cứu được nhóm tác giả đánh giá là có ý nghĩa thiết thực đối với đề xuất giải pháp khả thi, đáp ứng tốt cách tiếp cận mục tiêu ban đầu, có thể vận dụng để mở rộng mẫu khảo sát sang các khu vực địa lý khác.

#### Tài liệu tham khảo

- Burton, J. W., (1997). Conflict Resolution: Towards Problem Solving. *Peace and Conflict Studies*, 4(2), Article 2, <http://doi.org/10.46743/10827307/1997.1183>
- Chambers, J. R., & De Dreu, C. K. W., (2013). *Egocentrism Drives Conflict Misperceptions*. Social Science Research Network, <https://dx.doi.org/10.2139/ssrn.2242274>
- Ciupińska, B. (2014). Determinants of conflicts with Parents in the view of young adolescents. *Pedagogika Rodziny*, 4(2), 117-127.
- Danesh, H. B. (2011). Human Needs Theory, Conflict, and Peace: In Search of an Integrated Model. In D. J. Christie (Ed.), *Encyclopedia of Peace Psychology*. Hoboken, New Jersey: Wiley- Blackwell. First published: Nov. 13, 2011, <https://doi.org/10.1002/9780470672532.wbep127>
- Fatah, R. A. (2024). Recognize Max Weber's Social Action Theory in Individual Social Transformation. *International Journal of Multidisciplinary Approach Research and Science*, 2(02), 659-666.
- Harms, J. D. (2017). *Exploring the Connection between Interpersonal Needs and Conflict Resolution Styles*. St. Cloud State University, [https://repository.stcloudstate.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1011&context=psyc\\_etds](https://repository.stcloudstate.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1011&context=psyc_etds)
- Hương Nguyễn, Đức Phạm, Vỹ Đặng, Đức Thành, Hương Hà, Na Lê (2017). *Tâm lý học phát triển*. NXB Dân trí.
- LoBraico, E. J., Brinberg, M., Ram, N., & Fosco, G. M. (2020). Exploring Processes in Day-to-Day Parent – Adolescent Conflict and Angry Mood: Evidence for Circular Causality. *Family Process*, 59(4), 1706-1721. <https://doi.org/10.1111/famp.12506>
- Mastrotheodoros, S., Van der Graaff, J., Dekovic, M., Meeus, W. H. J., & Branje, S. (2020). Parent-Adolescent Conflict across Adolescence: Trajectories of Informant Discrepancies and Associations with Personality Types. *Journal of Youth and Adolescence*, 49(1), 119-135. <https://link.springer.com/content/pdf/10.1007/s10964-019-01054-7.pdf>
- Osgood, J. D. (2019). Ego- depletion increases decision making, but may also increase self- conflict and regret about those decisions. *Journal of Social Psychology*, 159(4), 417-430. <https://doi.org/10.1080/00224545.2018.1505706>
- Panahi, N. L., Modarres, M., & Areshtanab, N. H. (2023). Problems between parents and adolescents' relationships: a qualitative study. *Journal of Psychiatric Nursing*, 14(2), 94-102. <http://doi.org/10.14744/phd.2022.38159>
- Saul McLeod, PhD (2024). *Maslow's Hierarchy of Needs*. <https://www.simplypsychology.org/maslow.html>
- Sonone, V. V., & Pradhan, C. (2022). Conflicts Between Parents and Adolescence. *Indian Journal of Social Sciences and Literature Studies*, 8(1). [https://jcprpub.org/storage/media/dynamic\\_values/aku\\_z1X1648648055GOZu.pdf](https://jcprpub.org/storage/media/dynamic_values/aku_z1X1648648055GOZu.pdf)
- Sorkhabi, N. (2010). Sources of parent-adolescent conflict: Content and form of parenting. *Social Behavior and Personality: An International Journal*, 38(6), 761-782, <https://doi.org/10.2224/sbp.2010.38.6.761>
- Sprey, J. (1969). The Family as a System in Conflict. *Journal of Marriage and Family*, 31(4), 699-706. <https://doi.org/10.2307/349311>